TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/KDTM-PT
Ngày: 12 - 9 - 2018
V/v: "Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty liên quan đến việc hoạt động của công ty".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty liên quan đến việc hoạt động của công ty"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1191/2018/QĐ - PT ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 203 phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Hoàng Xuân H**, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: 4NH, khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà **Nguyễn Thị Minh H**, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: 28P2, 01 N, phường x, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bà **Đinh Thị Hồng T**, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 84/16, khu phố x, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: G7/5, khu A42, N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

7. Bà **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: C27/1, tổ x, khu phố x, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông **Lê Bá Đ**, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 98/13, tổ x, ấp x, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

9. Bà **Mạc Thị M**, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 576/8 L, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 20, ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

11. Ông **Nguyễn Hữu Thanh B**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: 221, khu phố x, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

12. Bà **Nguyễn Thị Tú T**, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 60C đường số x, tổ 62, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà **Hoàng Thị Huyền T**, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

14. Bà **Hoàng Thị Ngọc Đ**, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

15. Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 16/2A, khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông H, ông H, bà H, bà T, ông K, ông T, bà A, ông Đ, bà M, bà H, ông B, bà T, bà T, bà Đ, bà O: Ông **Hà Mạnh T**, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: 22D/4, tổ x, khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 15/8A B, khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2010).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông H, ông H, bà H, bà T, ông K, ông T, bà A, ông Đ, bà M, bà H, ông B, bà T, bà T, bà Đ, bà O: Ông **Hoàng Như V** – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

16. Ông **Bùi Thế H**, sinh năm: 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: 103/71, khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

17. Ông **Phạm Đình Q**, sinh năm: 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

18. Anh **La Hoàng A**, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 23/21 P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Ông **Bùi Văn V**, sinh năm: 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: H63/3, khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng.**

Địa chỉ: Khu phố x, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Thành D, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 8, Ấp x, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trịnh Đức D, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 137/6A T, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - Công ty Cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Mạnh T trình bày:

Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4703000438, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/10/2007, với vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng. Đến tháng 3/2008, các cổ đông sáng lập mới chỉ góp được 30% vốn điều lệ, chưa hoàn thành việc góp vốn điều lệ, nên Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng (Gọi tắt là Công Ty) là ông Nguyễn Minh H huy động thêm cho đủ vốn điều lệ. Triển khai kế hoạch này, ông Nguyễn Minh H huy động vốn của các cổ đông hiện có nhưng không có cổ đông nào đồng ý góp thêm, vì tình hình kinh doanh bất động sản vào thời điểm này có dấu hiệu đóng băng. Do được chấp thuận của Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Minh H tìm kiếm và huy động thêm 05 người góp vốn, với tổng số vốn góp là 5.000.000.000 đồng (trị giá 500.000 cổ phần), gồm: Nguyễn Thị Vân A (850.000.000 đồng) + Nguyễn Thị Tú T (750.000.000 đồng) + Hoàng Thị Ngọc Đ (750.000.000 đồng) + Hoàng Thị Huyền T (750.000.000 đồng). Tổng cộng: 3.100.000.000 đồng (góp trong tháng 12/2008) và ông Nguyễn Minh H (1.762.950.000 đồng, góp trong tháng 02 và tháng 6/2009, có biên lai thu tiền 1.695.000.000 đồng, còn lại số tiền 67.950.000 đồng là cổ tức được chia lợi nhuận năm 2008 và được đưa luôn vào vốn góp).

Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty ngày 28/3/2009, ngày 31/3/2009, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ra quyết định chia lợi nhuận năm 2008 cho các cổ đông của Công ty, trong đó có các chị Vân A, Tú T, Ngọc Đ, Huyền T và ông Nguyễn Minh H. Tuy nhiên, khi những thành viên này đề nghị Hội đồng quản trị ghi tên họ vào danh sách cổ đông và xác nhận cổ phần cổ đông theo Điều lệ Công ty để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của 05 thành viên, thì Hội đồng quản trị từ chối và không công nhận cổ đông với lý do Ban kiểm soát của Công ty không đồng ý.

Vào cuối năm 2008, Hội đồng quản trị của Công ty yêu cầu ông Nguyễn Minh H xin ý kiến của các cổ đông về việc tăng vốn điều lệ. Đồng thời ngày

19/3/2008, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết 03/NQ-HĐQT tăng vốn điều lệ của Công ty từ 15.000.000.000 đồng lên 45.000.000.000 đồng. Nhưng vào thời điểm này, thị trường bất động sản đóng băng nên không huy động vốn được trong các cổ đông hiện hữu. Bên cạnh đó, Công ty cũng chưa đủ điều kiện lên sàn chứng khoán. Để tháo gỡ khó khăn tài chính, ông Nguyễn Minh H đã tìm được nguồn vốn vay từ các Ngân hàng. Tại phiên họp ngày 28/3/2009, Đại hội cổ đông Công ty thấy rằng dự án khu dân cư tập trung xã Thạnh Phú đã hoàn tất thủ tục đầu tư và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nên đã thống nhất ra Nghị quyết chưa tiến hành tăng vốn điều lệ của Công ty, vì thực trạng tình hình kinh doanh với số vốn đã góp và vay Ngân hàng là đủ để thực hiện dự án mà chưa cần tăng vốn, đồng thời nêu rõ kế hoạch là tiếp tục nghiên cứu phương án tăng vốn, trong quý III/2009 Hội đồng quản trị sẽ xin ý kiến các cổ đông.

Tuy nhiên, ngày 22/12/2009, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT với nội dung: Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT, ngày 19/3/2008, để thực hiện việc tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu năm 2009. Tại thời điểm này, Công ty đã đủ tiềm lực tài chính để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tại 02 dự án (thực tế hiện nay Công ty đang gửi Ngân hàng 30.000.000.000 đồng; tiền doanh thu năm 2008 khoảng 100.000.000.000 đồng), không cần thiết phải tăng vốn. Khi Nghị quyết 06/NQ-HĐQT, ngày 22/12/2009 được ban hành, 19 cổ đông góp vốn đã có văn bản khiếu nại đến Hội đồng quản trị về việc không chấp nhận tăng vốn trong thời điểm hiện tại, vì không cần thiết cho hoạt động của Công ty mà thực chất chỉ phục vụ cho mục đích riêng của một số cá nhân trong Hội đồng quản trị. Để giải quyết kiến nghị này, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp với 19 cổ đông nhưng không làm rõ được căn cứ pháp lý của Hội đồng quản trị khi ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng quản trị vẫn thực hiện Nghị quyết này (hiện nay, Hội đồng quản trị đã huy động thêm được 6.000.000.000 đồng tăng vốn vào ngày 03/02/2010). Bên cạnh đó, thủ tục mà Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết 06/NQ-HĐQT mà không thông qua ý kiến của toàn bộ cổ đông là trái với quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết Hội đồng cổ đông năm 2009.

Đại diện cho 15 nguyên đơn, ông Hà Mạnh T yêu cầu:

- Buộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng phải chốt danh sách cổ đông, xác nhận cổ phần đã góp cho 05 người, gồm: Ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ.

- Yêu cầu Công ty chốt danh sách cổ đông, vì 05 người trên đã nộp tiền và được Đại hội cổ đông đồng ý.

- Hủy Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT, ngày 22/12/2009, của Hội đồng quản trị, vì ban hành trái với Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, không thông qua Đại hội cổ đông để xin ý kiến.

- Không công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Lê Thành D theo biên bản ngày 22/12/2009, vì theo Điều lệ Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị phải nắm giữ cổ phần Công ty, nhưng thực tế ông D không phải cổ đông Công ty, ông D chỉ là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là bà Nguyễn Thị Thu H. Ông D được bầu không đúng theo quy định, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật nên phải được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý, nhưng Công ty chưa làm thủ tục đăng ký.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/5/2010, ông Hà Mạnh T có giải trình bổ sung với nội dung: 04 người nộp tiền là bà Hoàng Thị Ngọc Đ, Hoàng Thị Huyền T, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Thị Tú T, tương ứng với phiếu thu số 05, 06, 07, 08/12, cùng ngày 11/12/2008. 04 người này không trực tiếp đến nộp tiền mà thông qua ông Nguyễn Minh H (tiền này của ông D, không nhớ rõ họ, được đền bù trong dự án Bình Dương, do ông D nợ tiền ông Nguyễn Minh H, để cấn trừ nợ thì ông Nguyễn Minh H lấy số tiền này nộp cho 04 người có 04 phiếu thu trên), mỗi phiếu thu là 750.000.000 đồng, riêng bà Vân A thì ông Nguyễn Minh H có nộp thêm 100.000.000 đồng. 04 người trên đã được chia cổ tức. Đến ngày 01/11/2009, Công ty có phát hành báo cáo sử dụng vốn, trong đó có khoản tiền của 04 người góp vốn trên. Số tiền góp vốn cũng được báo cáo tài chính gửi đến Chi cục thuế thành phố Biên Hòa. Bên cạnh đó, ông Nguyễn Minh H còn nộp tiền cho các cổ đông khác như ông Tần, ông Điệp.

Về tiền góp vốn 1.762.950.000 đồng của ông Nguyễn Minh H, có một phần tiền cổ tức của những người thân cận của ông Nguyễn Minh H đưa vào góp vốn khi Công ty gặp khó khăn, nếu có tranh chấp thì phải do những người có cổ tức kiện ông Nguyễn Minh H. Phần tiền còn lại ông Nguyễn Minh H nộp thể hiện qua 03 phiếu thu: Phiếu 01/02, số tiền: 355.000.000 đồng; Phiếu 19/02, số tiền: 645.000.000 đồng; Phiếu 12/06, số tiền: 695.000.000 đồng. Vì vậy, ông Nguyễn Minh H yêu cầu Công ty công nhận số tiền góp vốn của ông là: 1.762.950.000 đồng.

Theo bản tự khai, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn khẳng định chỉ có 05 người gồm: Ông Nguyễn Minh H, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ, bà Vân A mới có quyền yêu cầu và tư cách để khởi kiện về vấn đề công nhận cổ đông trong số 19 người khởi kiện. Trong 05 cổ đông trên, thì 04 người còn lại không có xác nhận trên giấy

tờ và sổ sách, Công ty không biết mặt họ là ai, do ông Nguyễn Minh H chỉ đạo kế toán ghi khống. Tiền đóng của 04 người này không minh bạch, chỉ hoàn tất thủ tục nhưng không nộp tiền trên thực tế. Ông Nguyễn Minh H bán cổ phần cho em ruột, cháu ruột mình, bán cổ phần cho người dưới 18 tuổi. Đối với số tiền 1.762.950.000 đồng ông Nguyễn Minh H nộp, Công ty thừa nhận ông Nguyễn Minh H có nộp nhưng trình tự phát hành cổ phần không đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Do đó, Công ty vẫn chưa công nhận tư cách cổ đông của 05 người trên.

Nghị quyết 06/NQ-HĐQT, ngày 22/12/2009, của Hội đồng quản trị Công ty hoàn toàn hợp lệ. Bởi lẽ, Nghị quyết trên đã được thông qua tại Đại hội cổ đông lần 1. Sau đó, đã hỏi ý kiến cổ đông bằng văn bản (khi vốn tăng lên 80.000.000.000 đồng mới phải thông qua tại Đại hội cổ đông). Việc bầu ông Lê Thành D là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là do ông Khóa có đơn xin từ chức, ông Nguyễn Minh H và ông Khóa đồng ý; ông Nguyễn Minh H là Giám đốc Công ty nên không được kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trước đó, ông D đã được Đại hội cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, ngày 22/4/2010, 19 nguyên đơn trong vụ kiện này yêu cầu Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường giải quyết 02 nội dung: Xem xét tư cách thành viên Hội đồng quản trị và việc từ chức, chuyển giao chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; giải thể doanh nghiệp vì dự án Bình Dương bị thu hồi.

Ngày 20/5/2010, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông, nhưng trước khi tiến hành Đại hội thì 19 nguyên đơn xin hoãn. Tại Đại hội, Công ty xin ý kiến các cổ đông còn lại, các cổ đông đồng ý tiếp tục tiến hành Đại hội. Trong số 19 nguyên đơn có ký tên trong đơn xin hoãn Đại hội, có một số người vẫn có mặt để tham dự Đại hội.

Trong 19 đồng nguyên đơn có ông Bùi Thế H có đơn xin Tòa đình chỉ giải quyết khởi kiện năm 2010. Ông La Hoàng A nắm giữ 10 ngàn cổ phần tuy nhiên ngày 17/11/2011 ông La Hoàng A đã chuyển nhượng 5 ngàn cổ phần, còn 5 ngàn cổ phần còn lại được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng. Như vậy hiện tại ông La Hoàng A không còn là cổ đông của Công ty. Ông Bùi Văn V có 8 ngàn cổ phần, ngày 25/2/2011 ông V đã chuyển nhượng cổ phần này cho ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Đình Q với 10 ngàn cổ phần vào ngày 15/1/2011 thì ông Q đã chuyển nhượng 7 ngàn cổ phần cho ông Nguyễn Văn H và 3 ngàn cổ phần cho bà Nguyễn Thị H, những người như trên hiện không còn là cổ đông của Công ty. Vậy khi họ chuyển nhượng cổ phần này thì chưa được làm rõ việc kế thừa cổ phần gồm những ai. Việc bầu ông D vào Hội đồng quản trị, căn cứ vào giấy phép kinh doanh thì rõ ràng đã thể hiện rất rõ các vốn góp. Đại hội đồng cổ đông lần 1 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị cũng như Chủ tịch Hội đồng quản trị Công

ty. Hơn nửa 100% các cổ đông thống nhất thông qua điều lệ. Công ty cổ phần MĐ đủ 40% vốn góp trong đó ông Nguyễn Văn H 8% vốn góp nên được quyền đề cử 02 người và đồng thời Công ty cổ phần MĐ có gửi văn bản 02 người gồm ông K và ông D tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng, về trình tự thủ tục như vậy là đúng theo điều lệ. Trong quá trình tiến hành đại hội thì ông D đạt tỷ lệ 93,5% tổng số phiếu của đại hội. Theo Khoản 1 Điều 19 điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải chọn các thành viên trong Hội đồng quản trị để bầu chủ tịch và tại thời điểm tháng 12/2009 ông K đã có đơn xin thôi chủ tịch Hội đồng quản trị, mới xảy ra cuộc họp bất thường trong hai tuần phải tiến hành bầu ra được Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Nguyễn Văn H cũng không đủ điều kiện để được bầu là chủ tịch hội đồng quản trị bởi vì ông Nguyễn Văn H là giám đốc và theo quy định của điều lệ Công ty thì ông Nguyễn Văn H không được quyền là Chủ tịch Công ty trừ khi được đại hội đồng cổ đông cho phép, nhưng từ trước đến giờ chưa có văn bản nào về việc Đại hội đồng cổ đông cho phép ông Nguyễn Văn H và bầu ông Nguyễn Văn H là chủ tịch. Căn cứ Khoản 3 Điều 108 của luật doanh nghiệp 2005 thì rõ ràng là trình tự thủ tục là đúng khi bầu ông D là chủ tịch. Việc yêu cầu không công nhận chức danh ông Lê Thành D là chủ tịch Hội đồng quản trị là không hợp lý yêu cầu Tòa đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này. Việc hủy Nghị quyết 06 theo nguyên đơn là trái quy định pháp luật, yêu cầu này của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận, tại cuộc họp Hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty lên 45 tỷ đồng và 100% cổ đông thông qua nghị quyết đại hội. Tại Điểm i Khoản 8 của điều lệ năm 2007. Hội đồng quản trị được quyền quyết định chào bán cổ phần, như vậy nghị quyết 06 ban hành hành trên cở sở đã được Hội đồng cổ đông ủy quyền. Cho nên việc ban hành Nghị quyết 06/NQ-HĐQT ngày 22/12/2009 không cần xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông. Biên bản hội nghị cổ đông năm 2009 về kế hoạch tăng vốn tiếp tục tăng vốn năm 2009 và sau đó có thông báo tăng vốn đẩy nhanh phương án từ 15 tỷ lên 45 tỷ, và không có bất kỳ nghị quyết nào hủy bỏ nghị quyết ngày 15/11/2007 hoặc là sửa đổi bổ sung nên văn bản nghị quyết ngày 15/11/2007 vẫn có giá trị pháp lý. Về vấn đề cấp vốn và giá bán cổ phiếu chỉ có Hội đồng quản trị mới quyết định được nhưng trong quá trình thực hiện đã có ra văn bản bán cổ phiếu với giá 15 ngàn đồng trên 10 ngàn đồng phiếu nhưng ông Nguyễn Văn H lại thực hiện bán với giá 10 ngàn đồng, trong khi đó nhiệm vụ quyền hạn của giám đốc đã được quy định rất rõ và ông Nguyễn Văn H lại vi phạm. Bán và chốt danh sách cổ đông thuộc về quyền của Hội đồng quản trị chứ không phải thẩm quyền của giám đốc. Và việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông như luật sư bị đơn trình bày

là có cơ sở không tuân thủ đúng quy định điều lệ của Công ty. Yêu cầu Tòa bác yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của 15 nguyên đơn về việc buộc Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng phải chốt danh sách cổ đông, xác nhận cổ phần đã góp cho 05 người, gồm: Ông Nguyễn Minh H: 1.762.950.000 đồng, bà Nguyễn Thị Vân A: 850.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tú T: 750.000.000 đồng, bà Hoàng Thị Huyền T: 750.000.000 đồng, bà Hoàng Thị Ngọc Đ: 750.000.000 đồng; không công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Lê Thành D; hủy Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT, ngày 22/12/2009, của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Bùi Văn V, ông Bùi Thế H, ông Phạm Đình Q, ông La Hoàng A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2017, bị đơn là Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị đơn Công ty cổ phần MĐ- Đầu tư hạ tầng (gọi tắt là Công ty MĐ) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi, các căn cứ sau:

Về việc yêu cầu Công ty MĐ chốt danh sách góp vốn gồm có bà Hoàng Thị Ngọc Đ, Hoàng Thị Huyền T, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Thị Tú T vì 4 thành viên góp vốn trên là có thật, thông qua các phiếu thu tiền có xác nhận của thủ quỹ, thời điểm các thành viên này góp vốn là có Nghị quyết số 02 của Hội đồng quản trị về trường hợp cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đăng ký thì huy động không phải là cổ đông sáng lập nhận góp số vốn cổ phần còn thiếu, người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập Công ty.

Về việc huỷ Nghị quyết 06/NQ- HĐQT ngày 22/09/2009 của Hội đồng quản trị Công ty MĐ - Đầu tư hạ tầng (gọi tắt là HĐQT Công ty MĐ): Vì Nghị quyết ban hành trái với điều lệ công ty, trái Luật doanh nghiệp năm 2005.

Về việc không công nhận chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị công ty MĐ vì ông D không có tên trong danh sách cổ đông và cổ tức năm 2009.

- Bị đơn trình bày tranh luận:

+ Về điều kiện khởi kiện của nguyên đơn không theo quy định của Nghị định 102.

+ Về tư cách khởi kiện của 4 nguyên đơn các bà Đ, T, Vân A và Tú T đối với yêu cầu huỷ Nghị quyết số 06/HĐQT.

+ Về quyền yêu cầu thay của các nguyên đơn cho các bà Đ, T, Vân A và Tú T đối với quyền lợi của các bà về việc công nhận phần vốn góp của các bà.

+ Các bà bà Đ, T, Vân A và Tú T không giao dịch góp vốn, không tuân thủ luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty và thực tế không có nộp tiền vào công ty theo lời trình bày của thủ quỹ, kế toán.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: là không có cơ sở. Nên đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; lời trình bày của các đương sự, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

+ Về tố tụng: Về việc xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn trong vụ án như nhận định của Toà án cấp sơ thẩm là có căn cứ; Về việc đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Bùi Văn V là đúng điểm c khoản 1 Điều 217 và điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Bùi Thế H, ông Phạm Đình Q, ông La Hoàng A là đúng quy định theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn công ty MĐ :

* Về tư cách yêu cầu của các yêu cầu Công ty MĐ chốt danh sách cổ đông, xác nhận cổ phần đã góp cho 4 người gồm: bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ:

Bị đơn kháng cáo cho rằng hiện nay công ty Cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng (Công ty) không công nhận là cổ đông của công ty, nên đối với quyền lợi yêu cầu công ty chốt danh sách cổ đông đối với các bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ là quyền lợi của cá nhân các bà, các bà phải tự yêu cầu cho chính mình, không được yêu cầu thay, nhưng theo

đơn khởi kiện, tất cả các nguyên đơn đều có yêu cầu này và toà án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của tất cả các nguyên đơn là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy vấn đề kháng cáo của bị đơn nêu ra là hoàn toàn đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Việc toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của tất cả các nguyên đơn là không đúng. Lý ra toà án cấp sơ thẩm nếu xét có căn cứ để chấp nhận việc góp vốn của các bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ thì chỉ tuyên chấp nhận yêu cầu của các bà bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ. Tuy nhiên việc sai sót này của toà án cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất vụ án nên để ổn định bản án, không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm phần này.

* Về tư cách yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ về việc huỷ Nghị quyết 06/HĐQT ngày 22/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ - Đầu tư hạ tầng; Huỷ kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Lê Thành D ngày 22/12/2009.

Bị đơn kháng cáo cho rằng Công ty không công nhận việc góp vốn của các bà, các bà không phải là cổ đông của Công ty, nên các bà không có quyền khởi kiện Công ty về các vấn đề trên. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các bà là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù tại thời điểm khởi kiện công ty chưa công nhận tư cách thành viên công ty của 4 cá nhân trên, nhưng vì họ đang yêu cầu công ty chốt danh sách cổ đông, xác nhận cổ phần đã góp của họ. Đây là quyền lợi của họ nên họ có quyền yêu cầu. Do đó, kháng cáo của bị đơn về vấn đề này không được chấp nhận.

* Về việc bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ yêu cầu Công ty công nhận đã góp vốn và yêu cầu được công nhận là cổ đông Công ty.

Bị đơn kháng cáo cho rằng thủ tục bán cổ phần không được thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty cũng như quy định của luật doanh nghiệp và việc góp vốn là không có thật. Hội đồng xét xử xét thấy, Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 15/11/2007 với Nghị quyết số 02 ngày 25/10/2008, sau thời hạn thông báo cổ đông không nộp vốn lần cuối vào ngày 29/11/2008, Giám đốc Công ty tìm đối tác khác để góp vốn. Qua các chứng cứ phiếu thu tiền mặt có xác nhận của thủ quỹ và kế toán công ty, có đóng dấu đã thu tiền. Nếu như, theo lời trình bày của bà D 4 cá nhân trên thực tế không có nộp tiền thì tại sao trong các báo cáo tiền mặt

năm 2008 và báo cáo sử dụng vốn đến ngày 02/11/2009 đều có xác nhận của những người có trách nhiệm theo dõi và quản lý tiền mặt của công ty. Bên cạnh đó báo cáo tài chính năm 2008 báo cáo cho Chi cục thuế Biên Hoà cung cấp đã thể hiện sự góp vốn của chủ mã số.

Hơn nửa danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2008 lập ngày 30/3/2009 kèm theo quyết định số 08 về việc phân chia lợi nhuận trong đó có tên của 4 bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ. Qua các chứng cứ trên đủ cơ sở xác định Công ty đã mặc nhiên công nhận 4 cá nhân trên có góp vốn vào thời điểm năm 2008 và đã sử dụng phần vốn góp của họ, nên cấp sơ thẩm buộc Công ty phải chốt danh sách cổ đông, xác nhận phần của các bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ là có căn cứ phù hợp pháp luật. Nay công ty không thể nại vấn đề thủ tục góp vốn của họ không tuân thủ quy định về mặt hình thức nên không chấp nhận họ là cổ đông là không có cơ sở. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Công ty.

* Về yêu cầu huỷ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 22/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ - Đầu tư hạ tầng.

Bị đơn kháng cáo cho rằng Nghị quyết số 06 là hoàn toàn căn cứ trên tinh thần của Nghị quyết Đại hội cổ đông lần thứ nhất và không khác Nghị quyết số 03 ngày 19/3/2008. Đồng thời Công ty cũng đã đăng ký thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh, tăng vốn điều lệ lên 45 tỉ đồng và đã được Sở kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi ngày 31/02/2008. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo báo cáo của Ban kiểm soát (bút lục 168-177), Ban kiểm soát đã xác định việc tăng vốn điều lệ thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông; Ngày 19/3/2008 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 03 về việc tăng vốn Điều lệ từ 15 tỉ đồng lên 45 tỉ đồng. Tuy nhiên, việc góp vốn ban đầu vẫn chưa chốt danh sách cổ đông (còn 4 cá nhân chưa chốt danh sách) là không đảm bảo quyền lợi của các cổ đông hiện hữu, việc tăng vốn chưa thực hiện đúng trình tự của pháp luật. Tính đến quý III/2009, Công ty vẫn chưa tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông để biểu quyết phương án tăng vốn điều lệ. Qua đối chiếu các chứng cứ có trong hồ sơ thì:

Nghị quyết Đại hội cổ đông lần thứ nhất của Công ty ngày 15/11/2007 (bút lục 103-104), Đại hội cổ đông đã thống nhất vốn điều lệ của công ty tại thời điểm tiến hành Đại hội là 15 tỉ đồng; uỷ quyền cho Hội đồng quản trị làm thủ tục và quyết định phân phối vốn để tiếp tục tăng vốn lên 45 tỉ đồng; đồng thời, sau đó Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị Quyết số 03 ngày 19/3/2008, thống nhất tăng vốn điều lệ công ty từ 15 tỉ đồng lên 45 tỉ đồng và thông qua phương án phát

hành cổ phần. Tuy nhiên biên bản họp Hội nghị cổ đông ngày 28/3/2009 (bút lục 249) các cổ đông đã thống nhất tiếp tục nghiên cứu phương án tăng vốn trong quý III/2009 Hội đồng quản trị sẽ xin ý kiến các cổ đông. Do đó, việc Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06 ngày 22/12/2009 (bút lục 110) thống nhất phương án phát hành thêm cổ phiếu năm 2009 mà không thông qua Đại hội cổ đông là trái với quy định tại khoản 3 Điều 4 Điều lệ Công ty và biên bản họp Hội nghị cổ đông năm 2009.

Bên cạnh đó, theo thư quản lý cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2008 và năm 2009 của Công ty kiểm toán và kế toán Hà Nội (bút lục 394-404) việc Công ty tăng vốn điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận kinh doanh từ 15 tỉ đồng lên 45 tỉ đồng trong khi chưa góp đủ vốn điều lệ đăng ký ban đầu là chưa tuân thủ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tại phiên toà đại diện cho bị đơn cũng không trình bày được thời điểm Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 06 thì số vốn điều lệ ban đầu các cổ đông đã góp đủ hay chưa.

Do đó, kháng cáo của Công ty cho rằng Hội đồng quản trị có xin ý kiến của cổ đông bằng văn bản, tỷ lệ đồng ý 92,85%, nhưng thời điểm này các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ đăng ký ban đầu như Ban kiểm soát và Công ty kiểm toán đã nhận định. Nên kháng cáo của Công ty không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về yêu cầu không công nhận chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Lê Thanh D.

Bị đơn kháng cáo cho rằng các cổ đông sáng lập Công ty cổ phần MĐ - Đầu tư hạ tầng gồm 6 người:

- Công ty cổ phần MĐ góp 40%
- Bà Nguyễn Liên H góp 8%
- Ông Nguyễn Minh H góp 8%
- Ông Trần Mạnh T góp 5%
- Ông Hoàng Xuân H góp 5%
- Ông Đặng Văn X góp 5%

Ông Lê Thành D tham gia Hội đồng quản trị của Công ty với hai tư cách: Tư cách đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần MĐ (đại diện cho 30% vốn góp của Công ty cổ phần MĐ theo cv số 09) và đại diện cho cổ đông cá nhân bà Nguyễn Liên H (vợ ông D).

Hội đồng xét xử xét thấy, trước tiên phải xét ông Lê Thành D có đủ điều kiện để tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty hay không, rồi mới xét đến tư cách làm chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

Thứ nhất, đối với tư cách là đại diện của cổ đông cá nhân bà Nguyễn Liên H thì ông D không đủ điều kiện để tham gia vào Hội đồng quản trị vì ông D không phải là cổ đông sáng lập theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Điều lệ công ty và Điều 110 Luật doanh nghiệp năm 2005.

Thứ hai, bị đơn cho rằng ông D là đại diện cho 30% phần vốn góp của Công ty cổ phần MĐ theo công văn số 09 ngày 17/10/2007. Theo nội dung công văn số 09 mà Công ty cổ phần MĐ gởi cho Công ty về việc cử người đại diện phần vốn góp, thể hiện Công ty cổ phần MĐ căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ ngày 15/10/2007 cử ông Nguyễn Văn K đại diện phần vốn góp với tỷ lệ 70%, ông Lê Thành D đại diện phần vốn góp với tỷ lệ 30% để ứng cử vào hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng. Nhưng tại biên bản họp Hội đồng quản trị công ty cổ phần MĐ (do bị đơn nộp) thì thể hiện ông K đại diện cho 60% vốn góp của Công ty MĐ và ông D đại diện cho 40% vốn góp của Công ty MĐ và tại phiên toà bị đơn cũng xuất trình một công văn không số, không ngày, tháng 10 năm 2007 của Công ty MĐ gởi cho Công ty về việc cử người đại diện phần vốn góp, nội dung công văn này cũng căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần MĐ ngày 15/10/2007 cử ông Nguyễn Văn K đại diện phần vốn góp với tỷ lệ 60%, ông Lê Thành D đại diện phần vốn góp với tỷ lệ 40% để ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng, có đóng dấu của Công ty cổ phần MĐ, nhưng không có chữ ký của tổng giám đốc Công ty cổ phần MĐ. Xét hai công văn của Công ty cổ phần MĐ gởi cho công ty về việc cử người đại diện cho phần vốn góp của mình đều căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 15/10/2007 nhưng ông D đại diện lúc 30%, lúc 40% là mâu thuẫn nhau.

Tại phiên toà nguyên đơn xuất trình công văn số 107/2017/HĐTQ ngày 12/12/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty Cổ phần MĐ ký, lại khẳng định "Bằng văn bản này công ty cổ phần MĐ khẳng định đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần MĐ tại Công ty cổ phần MĐ- Đầu tư hạ tầng đã được ban hành tại Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2007 là đúng, còn ông Lê Thành D không đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần MĐ tại công ty cổ phần MĐ - Đầu tư hạ tầng như văn bản số 09/VB-HĐQT ngày 17/10/2007".

Cũng tại phiên toà bị đơn lại xuất trình công văn số 11/2017/MĐ ngày 28/12/2017 của Tổng giám đốc Nguyễn Đức T, Công ty cổ phần MĐ ký, thì cho rằng: "Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ- HĐQT ngày 19/9/2007 về việc góp vốn thành lập và ra mắt công ty liên kết, ngày 15/10/2007 HDQT công ty họp để cử người đại diện phần vốn góp của công ty cổ phần MĐ tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị

và ban kiểm soát Công ty cổ phần MĐ - Đầu tư hạ tầng. Theo đó Hội đồng quản trị công ty cổ phần MĐ đã cử ông Nguyễn Văn K và ông Lê Thành D tham gia vào Hội đồng quản trị … Do đó, ý kiến tại văn bản 107/20017/HĐQT ngày 12/12/2017 do ông Nguyễn Lương Q ký là không chính xác… Hơn nữa, tại thời điểm tháng 10/2007 ông Q không phải là thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần MĐ nên ông Q không nắm hết được chi tiết sự việc…". Do bị đơn và nguyên đơn đều xuất trình các văn bản của công ty cổ phần MĐ không thống nhất nhau, nên Hội đồng xét xử không xem xét các chứng cứ trên của nguyên đơn và bị đơn để xem xét tư cách tham gia hội đồng quản trị của ông D.

Từ những chứng cứ trên cho thấy, từ khi Công ty cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng thành lập, đi vào hoạt động, cho đến khi xảy ra tranh chấp, ông Lê Thành D không có tên trong danh sách cổ đông của công ty. Việc nguyên đơn trình bày việc ông Lê Thành Dương được giới thiệu bầu vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng lần 1 năm 2007 của công ty là do Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách cổ đông đăng ký góp vốn để giới thiệu bầu các chức danh chủ chốt của công ty; tuy nhiên, sau đó ông D không góp vốn vào công ty là có cơ sở.

Trường hợp sau khi ông Lê Thành D không thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua theo quy định tại Điều 10 Điều lệ công ty và Điều 80 luật doanh nghiệp 2005, Hội đồng quản trị công ty có quyền triệu tập Đại hội cổ đông để bãi miễn, thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 12 Điều lệ công ty và Điều 96 Luật doanh nghiệp năm 2005 . Tuy nhiên, Hội đồng quản trị công ty đã không thực hiện việc này, mà tiếp tục bầu ông D vào chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị là không đúng theo quy định do không thoả mãn điều kiện, tiêu chuẩn tham gia thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 6 Điều lệ công ty và Điều 110 Luật doanh nghiệp năm 2005.

Do đó, toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn không công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Lê Thành D là có căn cứ. Nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về vấn đề này như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 142 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần MĐ – Đầu Tư Hạ Tầng. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Khoản 4 Điều 30, các Điều 37, 68, 217, 218, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 9, 19, 22, 86, 93, 94, 104, 105, 108, 109, 110, 111, 112 Luật doanh nghiệp năm 2005.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ về việc buộc Công ty cổ phần MĐ - Đầu tư hạ tầng phải chốt danh sách cổ đông, xác nhận cổ phần đã góp cho 05 người gồm: Ông Nguyễn Minh H: 1.762.950.000 đồng; bà Nguyễn thị Vân A: 850.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Tú T 750.000.000 đồng; bà Hoàng Thị Huyền T 750.000.000 đồng; bà Hoàng Thị Ngọc Đ 750.000.000 đồng.

2/ Đình chỉ yêu cầu của 15 nguyên đơn (trừ ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị Tú T, bà Hoàng Thị Huyền T, bà Hoàng Thị Ngọc Đ) về việc yêu cầu buộc Công ty cổ phần MĐ - Đầu tư hạ tầng phải chốt danh sách cổ đông, xác nhận cổ phần đã góp cho 05 người gồm: Ông Nguyễn Minh H: 1.762.950.000 đồng; bà Nguyễn thị Vân A: 850.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Tú T 750.000.000 đồng; bà Hoàng Thị Huyền T 750.000.000 đồng; bà Hoàng Thị Ngọc Đ 750.000.000 đồng

3/ Chấp nhận yêu cầu của 15 nguyên đơn về yêu cầu không công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Lê Thành D; huỷ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 22/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MĐ - Đầu Tư hạ Tầng.

4/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Bùi Văn V, ông Bùi Thế H, ông Phạm Đình Q, ông La Hoàng A.

5/ Về án phí sơ thẩm:

15 nguyên đơn không phải nộp tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho 15 nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp mỗi người 1.000.000 đồng lần lượt theo các biên

lai thu số 0012 ngày 12/3/2010; 0014, 0015, 0016, 0017, 0018, 0019, 0023, 0024, 0025, 0026, 0027, 0028, 0029, 0030 cùng ngày 16/3/2010 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn Công ty Cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng phải chịu án phí sơ thẩm là 114.862.950 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm sáu hai ngàn chín trăm năm mươi đồng).

Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nguyên đơn ông Bùi Văn V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022 ngày 16/3/2010 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho các nguyên đơn ông Bùi Thế H, ông Phạm Đình Q, ông La Hoàng A mỗi người 1.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0013, 0020, 0021 cùng ngày 16/3/2010 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

6/ Án phí phúc thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần MĐ – Đầu tư hạ tầng phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Được trừ lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 001191 ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Đồng Nai (1);
– VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
– Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
– Các đương sự (23);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3),32b (PMT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên